

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-35
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch	
Bà Phan Đỗ Hạnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/01/2020
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/06/2020
Ông Vũ Đình Đông	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/01/2020
Ông Vũ Đình Đông	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25/06/2020
Ông Nguyễn Ánh Luyện	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/05/2020
Ông Nguyễn Văn Thành	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/01/2020
Ông Phạm Duy Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/01/2020
Ông Trịnh Hữu Minh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/01/2020
Ông Nguyễn Quý	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/01/2020
Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/01/2020
Ông Đỗ Ngọc Khanh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/01/2020

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Vũ	Giám đốc Sản xuất

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vũ Đình Thái	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vang	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/06/2020
Ông Nguyễn Ánh Luyện	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/06/2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Số: 140820.017 /BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu được lập ngày 14 tháng 08 năm 2020, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		274.437.290.277	231.683.731.385
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	45.539.166.556	44.691.062.213
111	1. Tiền		45.539.166.556	44.691.062.213
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	79.000.000.000	43.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		79.000.000.000	43.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		50.811.181.340	64.883.513.594
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	41.393.011.093	62.675.452.154
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.242.802.569	1.547.097.997
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.175.088.063	558.249.235
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		279.615	102.714.208
140	IV. Hàng tồn kho	8	97.600.235.956	77.857.598.249
141	1. Hàng tồn kho		97.764.002.639	78.021.364.932
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(163.766.683)	(163.766.683)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.486.706.425	1.251.557.329
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	612.129.896	1.251.557.329
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		750.722.187	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	123.854.342	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		59.333.588.270	68.225.721.588
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.250.000	15.250.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.250.000	15.250.000
220	II. Tài sản cố định		56.912.315.044	64.519.256.799
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	56.912.315.044	64.519.256.799
222	- Nguyên giá		348.654.042.408	348.195.694.789
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(291.741.727.364)	(283.676.437.990)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	706.659.600	1.526.651.400
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.972.000.000	1.972.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.265.340.400)	(445.348.600)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.709.363.626	2.164.563.389
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.709.363.626	2.164.563.389
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		333.770.878.547	299.909.452.973

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		130.034.146.652	104.667.008.132
310	I. Nợ ngắn hạn		130.034.146.652	104.667.008.132
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	22.691.501.053	18.313.708.750
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		9.416.900	40.792.675
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2.845.151.035	1.833.200.208
314	4. Phải trả người lao động		4.546.294.136	5.699.318.186
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	1.891.576.240	2.002.599.826
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	10.996.986.657	23.617.370.919
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	86.176.707.071	51.383.673.504
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		876.513.560	1.776.344.064
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		203.736.731.895	195.242.444.841
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	203.736.731.895	195.242.444.841
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.713.370.000	150.713.370.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>150.713.370.000</i>	<i>150.713.370.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.557.011.449	15.557.011.449
415	3. Cổ phiếu quỹ		(317.124.000)	(317.124.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		28.301.633.961	28.301.633.961
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.481.840.485	987.553.431
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>987.553.431</i>	<i>400</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>8.494.287.054</i>	<i>987.553.031</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		333.770.878.547	299.909.452.973

Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng	06 tháng
			đầu năm 2020	đầu năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	491.916.003.809	111.405.497.659
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	1.251.411.270	35.144.160
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		490.664.592.539	111.370.353.499
11	4. Giá vốn hàng bán	20	472.747.914.630	98.365.407.444
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.916.677.909	13.004.946.055
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.967.396.639	35.178.367
22	7. Chi phí tài chính	22	8.193.776.821	263.319.591
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.224.498.926	450.990.798
25	8. Chi phí bán hàng	23	5.747.389.832	5.042.539.990
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	11.708.269.157	9.032.696.287
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(765.361.262)	(1.298.431.446)
31	11. Thu nhập khác	25	12.671.137.028	74.645.227
32	12. Chi phí khác	26	1.287.916.948	147.291.500
40	13. Lợi nhuận khác		11.383.220.080	(72.646.273)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.617.858.818	(1.371.077.719)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	2.123.571.764	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.494.287.054	(1.371.077.719)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	564	(91)



Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng	06 tháng
			đầu năm 2020	đầu năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.617.858.818	(1.371.077.719)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		8.065.289.374	8.161.055.293
03	- Các khoản dự phòng		819.991.800	(206.664.600)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		65.064.276	(4.002.287)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.959.422.904)	(22.550.362)
06	- Chi phí lãi vay		7.224.498.926	450.990.798
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		23.833.280.290	7.007.751.123
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		14.463.232.461	20.627.291.953
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(19.742.637.707)	16.556.435.679
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.591.315.470	1.576.389.893
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.094.627.196	(153.537.216)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.211.226.187)	(450.990.798)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(285.032.539)	(3.060.886.328)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(899.830.504)	(1.458.435.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		12.843.728.480	40.644.018.806
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(458.347.619)	(1.381.947.005)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		40.000.000.000	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		(76.000.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.703.946.168	22.550.362
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(34.754.401.451)	(1.359.396.643)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		412.674.902.054	25.214.008.126
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(377.881.868.487)	(42.687.738.480)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.030.868.800)	(1.043.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		22.762.164.767	(17.474.773.954)


CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng	06 tháng
			đầu năm 2020	đầu năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		851.491.796	21.809.848.209
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		44.691.062.213	15.408.400.674
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.387.453)	2.969.751
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>45.539.166.556</u>	<u>37.221.218.634</u>





Dương Trương Thị Hồng Trinh Nguyễn Hòa Hiệp
Người lập Kế toán trưởng

Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 150.713.370.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 150.713.370.000 đồng; tương đương 15.071.337 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

In và sản xuất bao bì bằng kim loại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ);
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá.
- Kinh doanh thương mại nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 6 tháng đầu năm 2020, Công ty đã mở rộng các lĩnh vực kinh doanh có thêm mảng kinh doanh thương mại nông sản, nguyên liệu đầu vào thức ăn chăn nuôi thuộc nhóm ngành ít rủi ro và thiết yếu đối với sản xuất tiêu dùng trong bối cảnh dịch tễ tại Việt Nam. Kết quả từ mở rộng lĩnh vực kinh doanh là quy mô doanh thu và giá vốn của Công ty tăng trưởng lớn với tỷ lệ tương ứng là 341% và 380% so với cùng kỳ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 28 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 22 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN kỳ kế toán

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	253.703.234	211.942.631
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.285.463.322	44.479.119.582
	<u><u>45.539.166.556</u></u>	<u><u>44.691.062.213</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	79.000.000.000	-	43.000.000.000	-
	79.000.000.000	-	43.000.000.000	-

Tại ngày 30/06/2020, các đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 79.000.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 6,4%/năm đến 7,9%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào đơn vị khác	1.972.000.000	706.659.600	(1.265.340.400)	1.972.000.000
- Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả (VGP)	1.972.000.000	706.659.600	(1.265.340.400)	1.972.000.000
	1.972.000.000	706.659.600	(1.265.340.400)	1.972.000.000
				1.526.651.400
				(445.348.600)
				(445.348.600)

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch HNX tại ngày 30/06/2020.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả (VGP)	Tp. Hồ Chí Minh	0,81%	0,81%	Khai thác, kinh doanh cảng, kho bãi

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Chi nhánh Công ty Thương mại Kiên Giang	6.943.449.436	-	2.229.447.000	-
- Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long	5.500.524.975	-	3.807.372.426	-
- Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Yamamura Phú Thọ	4.244.240.992	-	4.554.358.411	-
- Phải thu khách hàng khác	24.704.795.690	-	52.084.274.317	-
	41.393.011.093	-	62.675.452.154	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Perstima	981.224.218	-	-	-
- Trịnh Xuân Luyện	500.000.000	-	500.000.000	-
- Asian - Pacific Can Company Limited	209.051.040	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	1.552.527.311	-	1.047.097.997	-
	3.242.802.569	-	1.547.097.997	-

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi	1.553.353.448	-	297.876.712	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	152.688.607	-	144.490.978	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	30.731.578	-	28.840.397	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	19.445.226	-	18.361.148	-
- Tạm ứng	119.954.484	-	68.680.000	-
- Lãi phạt chậm trả Tổng Công tư Vật tư Nông nghiệp	3.820.806.852	-	-	-
- Phải thu khác	478.107.868	-	-	-
	6.175.088.063	-	558.249.235	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	5.250.000	-	15.250.000	-
	5.250.000	-	15.250.000	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	829.199.502	-	677.643.656	-
Nguyên liệu, vật liệu	81.505.999.265	-	62.289.289.847	-
Công cụ, dụng cụ	1.099.448.368	-	470.247.161	-
Thành phẩm	14.329.355.504	(163.766.683)	14.584.184.268	(163.766.683)
	97.764.002.639	(163.766.683)	78.021.364.932	(163.766.683)

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Số dư đầu năm	10.261.980.186	330.524.868.188	6.373.714.427	767.700.245	267.431.743	348.195.694.789					
- Mua trong kỳ	-	458.347.619	-	-	-	458.347.619					
Số dư cuối kỳ	<u>10.261.980.186</u>	<u>330.983.215.807</u>	<u>6.373.714.427</u>	<u>767.700.245</u>	<u>267.431.743</u>	<u>348.654.042.408</u>					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu năm	9.578.782.586	269.062.844.289	4.229.425.007	537.954.365	267.431.743	283.676.437.990					
- Khấu hao trong kỳ	94.592.952	7.699.794.992	240.022.614	30.878.816	-	8.065.289.374					
Số dư cuối kỳ	<u>9.673.375.538</u>	<u>276.762.639.281</u>	<u>4.469.447.621</u>	<u>568.833.181</u>	<u>267.431.743</u>	<u>291.741.727.364</u>					
Giá trị còn lại	683.197.600	61.462.023.899	2.144.289.420	229.745.880	-	64.519.256.799					
Tại ngày đầu năm	588.604.648	54.220.576.526	1.904.266.806	198.867.064	-	56.912.315.044					
Tại ngày cuối kỳ											

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.385.755.022 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 186.556.784.628 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	148.513.348	513.570.142
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	-	49.481.816
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	318.037.879	636.075.763
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	145.578.669	52.429.608
	<u>612.129.896</u>	<u>1.251.557.329</u>
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ	962.723.227	1.426.046.998
Chi phí trả trước dài hạn khác	746.640.399	738.516.391
	<u>1.709.363.626</u>	<u>2.164.563.389</u>

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2020</u>		<u>01/01/2020</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Dongwon Systems Corp.	4.103.468.160	4.103.468.160	4.160.028.400	4.160.028.400
- Henkel Singapore Pte., Lrd	4.931.752.228	4.931.752.228	2.743.286.452	2.743.286.452
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi	3.810.290.360	3.810.290.360	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	9.845.990.305	9.845.990.305	11.410.393.898	11.410.393.898
	<u>22.691.501.053</u>	<u>22.691.501.053</u>	<u>18.313.708.750</u>	<u>18.313.708.750</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÁU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.504.053.179	19.276.178.926	20.780.232.105	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	346.547.084	468.719.571	122.172.487	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	285.032.539	2.123.571.764	285.032.539	-	2.123.571.764
Thuế Thu nhập cá nhân	-	44.114.490	884.633.598	302.442.997	1.681.855	627.986.946
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	3.233.690.741	3.140.098.416	-	93.592.325
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	1.833.200.208	25.867.622.113	24.979.525.628	123.854.342	2.845.151.035

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	70.709.832	57.437.093
- Chi phí hoa hồng bán hàng	934.863.315	930.370.733
- Trích trước chi phí vận chuyển	408.566.000	494.792.000
- Chi phí phải trả khác	477.437.093	520.000.000
	<u>1.891.576.240</u>	<u>2.002.599.826</u>

14 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	879.916.020	260.646.145
- Kinh phí công đoàn	277.480.330	257.066.972
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.461.961.195	10.808.081.803
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	230.537.247	12.261.406.047
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	147.091.865	30.169.952
	<u>10.996.986.657</u>	<u>23.617.370.919</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÁU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

15 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	51.383.673.504	51.383.673.504	86.434.902.054	51.641.868.487	86.176.707.071	86.176.707.071
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	326.240.000.000	326.240.000.000	-	-
	51.383.673.504	51.383.673.504	412.674.902.054	377.881.868.487	86.176.707.071	86.176.707.071

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/94178/HĐTD ngày 07/01/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức: 150.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: 6,2% - 6,8%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 86.176.707.071 đồng;
- + Khoản vay của Công ty được đảm bảo bằng tài sản kèm theo các hợp đồng tài sản đảm bảo và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÁU

Báo cáo tài chính giữa niên độ

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	28.118.361.788	14.419.994.759	208.491.613.996						
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	(1.371.077.719)	(1.371.077.719)						
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	183.272.173	(14.419.994.359)	(14.236.722.186)						
Số dư cuối kỳ trước	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	28.301.633.961	(1.371.077.319)	192.883.814.091						
Số dư đầu năm nay	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	28.301.633.961	987.553.431	195.242.444.841						
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	8.494.287.054	8.494.287.054						
Số dư cuối kỳ này	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	28.301.633.961	9.481.840.485	203.736.731.895						

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Tỷ lệ		Đầu kỳ		Tỷ lệ	
	VND	VND	(%)	(%)	VND	(%)	(%)	
Ông Trần Quang Huy	37.044.460.000	37.044.460.000	24,58%	24,58%	37.044.460.000	24,58%	24,58%	
Ông Nguyễn Đức Hiếu	30.116.940.000	27.873.120.000	19,98%	18,49%	27.873.120.000	18,49%	18,49%	
Ông Phạm Bích Nga	14.170.000.000	14.170.000.000	9,40%	9,40%	14.170.000.000	9,40%	9,40%	
Các cổ đông khác	69.194.750.000	71.438.570.000	45,91%	47,40%	71.438.570.000	47,40%	47,40%	
Cổ phiếu quỹ	187.220.000	187.220.000	0,12%	0,12%	187.220.000	0,12%	0,12%	
	150.713.370.000	150.713.370.000	100%	100%	150.713.370.000	100%	100%	

26/06/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2020	2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.713.370.000	150.713.370.000
- Vốn góp đầu kỳ	150.713.370.000	150.713.370.000
- Vốn góp cuối kỳ	150.713.370.000	150.713.370.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	12.261.406.047	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(12.030.868.800)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(12.030.868.800)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	230.537.247	-
d) Cổ phiếu	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.071.337	15.071.337
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.071.337	15.071.337
- Cổ phiếu phổ thông	15.071.337	15.071.337
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	18.722	18.722
- Cổ phiếu phổ thông	18.722	18.722
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.052.615	15.052.615
- Cổ phiếu phổ thông	15.052.615	15.052.615
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	28.301.633.961	28.301.633.961
	28.301.633.961	28.301.633.961

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê đất tại số 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Diện tích khu đất thuê là 33.410 m². Theo đó Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo thông báo tiền thuê đất của cơ quan thuế.

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	22.161,24	1.813,45
- Đồng Euro (EUR)	0,34	0,34
- Đồng đô la Úc (AUD)	412,31	412,31

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	111.025.715.588	94.056.460.339
Doanh thu bán hàng hóa	363.788.728.236	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.101.559.985	17.349.037.320
	491.916.003.809	111.405.497.659

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.251.411.270	35.144.160
	1.251.411.270	35.144.160

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	96.529.719.033	79.906.503.253
Giá vốn của hàng hóa đã bán	362.489.018.596	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.729.177.001	18.458.904.191
	472.747.914.630	98.365.407.444

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.959.422.904	22.550.362
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	3.820.806.852	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	187.166.883	8.625.718
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	4.002.287
	6.967.396.639	35.178.367

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.224.498.926	450.990.798
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	84.221.819	18.993.393
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	65.064.276	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	819.991.800	(206.664.600)
	8.193.776.821	263.319.591

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.882.179.251	2.732.595.251
Chi phí nhân công	533.397.350	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	148.067.664	148.074.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.181.098.703	1.941.144.299
Chi phí khác bằng tiền	2.646.864	220.725.522
	5.747.389.832	5.042.539.990

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.072.267	92.880.041
Chi phí nhân công	5.349.627.195	3.932.600.330
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.289.182	193.699.648
Thuế, phí, lệ phí	3.283.486.901	2.208.613.823
Chi phí dịch vụ mua ngoài	609.552.813	512.835.733
Chi phí khác bằng tiền	2.255.240.799	2.092.066.712
	11.708.269.157	9.032.696.287

25 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Tiền thu hồi từ vụ kiện Công ty 3A theo phán quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (*)	11.548.548.995	-
Khoản phạt do giao hàng sai hạn	900.000.000	-
Thu nhập khác	222.588.033	74.645.227
	12.671.137.028	74.645.227

(*) Liên quan tới vụ kiện Công ty cho Công ty TNHH Dược phẩm 3A thuê kho hàng, nhà xưởng tại số 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Đến hết thời hạn thuê, bên đi thuê vẫn chưa hoàn trả lại kho hàng, nhà xưởng và thanh toán tiền thuê. Công ty đã khởi kiện bên đi thuê tại Tòa án Nhân dân Quận Tân Phú và đã được xử thắng kiện. Theo đó tới thời điểm 30/06/2020 tổng giá trị thi hành án đã thu hồi được là 22.722.730.645 đồng.

26 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	147.291.500
Phí dịch vụ pháp lý của vụ kiện 3A	1.005.278.077	-
Chi phí khác	282.638.871	-
	1.287.916.948	147.291.500

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.617.858.818	(1.371.077.719)
Thu nhập chịu thuế TNDN	10.617.858.818	(1.371.077.719)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.123.571.764	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	3.060.886.328
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(3.060.886.328)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2.123.571.764	-

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	8.494.287.054	(1.371.077.719)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.494.287.054	(1.371.077.719)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.052.615	15.052.615
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	564	(91)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	86.731.588.791	70.908.020.350
Chi phí nhân công	21.551.524.087	17.238.968.734
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.065.289.374	8.161.055.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.285.080.823	6.386.420.350
Chi phí khác bằng tiền	4.593.062.738	2.312.792.234
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	128.226.545.813	105.007.256.961

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.539.166.556	-	44.691.062.213	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	47.573.349.156	-	63.248.951.389	-
Các khoản cho vay	79.000.000.000	-	43.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	1.972.000.000	(1.265.340.400)	1.972.000.000	(445.348.600)
	174.084.515.712	(1.265.340.400)	152.912.013.602	(445.348.600)
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			86.176.707.071	51.383.673.504
Phải trả người bán, phải trả khác			33.688.487.710	41.931.079.669
Chi phí phải trả			1.891.576.240	2.002.599.826
			121.756.771.021	95.317.352.999

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2020				
Đầu tư dài hạn	-	706.659.600	-	706.659.600
	<u>-</u>	<u>706.659.600</u>	<u>-</u>	<u>706.659.600</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư dài hạn	-	1.526.651.400	-	1.526.651.400
	<u>-</u>	<u>1.526.651.400</u>	<u>-</u>	<u>1.526.651.400</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.539.166.556	-	-	45.539.166.556
Phải thu khách hàng, phải thu khác	47.568.099.156	5.250.000	-	47.573.349.156
Các khoản cho vay	79.000.000.000	-	-	79.000.000.000
	172.107.265.712	5.250.000	-	172.112.515.712
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.691.062.213	-	-	44.691.062.213
Phải thu khách hàng, phải thu khác	63.233.701.389	15.250.000	-	63.248.951.389
Các khoản cho vay	43.000.000.000	-	-	43.000.000.000
	150.924.763.602	15.250.000	-	150.940.013.602

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Vay và nợ	86.176.707.071	-	-	86.176.707.071
Phải trả người bán, phải trả khác	33.688.487.710	-	-	33.688.487.710
Chi phí phải trả	1.891.576.240	-	-	1.891.576.240
	121.756.771.021	-	-	121.756.771.021
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	51.383.673.504	-	-	51.383.673.504
Phải trả người bán, phải trả khác	41.931.079.669	-	-	41.931.079.669
Chi phí phải trả	2.002.599.826	-	-	2.002.599.826
	95.317.352.999	-	-	95.317.352.999

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	300.640.000	406.987.183
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	440.000.000	634.703.076

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét .

Dương Trương Thị Hồng Trinh Nguyễn Hòa Hiệp
Người lập Kế toán trưởng

Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2020

